TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH LƯU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12/6/2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Nghệ

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hằng và ông Nguyễn Thế Hùng

Thư ký phiên toà: Bà Phan Lệ Giang -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuỳ Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở toà án nhân dân huyện Quỳnh Lưu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 126/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13/5/2025 và quyết định hoãn phiên toà số 43/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị N, sinh năm 2003. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1996. Vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Thôn Q, xã A, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 08/4/2025, bản tự khai ngày 07/5/2025, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Xuân Đ đăng ký kết hôn ngày 20/12/2021 tại UBND xã A, trên cơ sở tự nguyện. Sau 4 năm chúng sống với nhau, vợ chồng xẩy ra nhiều cãi vã, tranh chấp, không có tiếng nói chung, không còn tình cảm với nhau. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 12/2024 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không còn qua lại thăm hỏi nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được chị xin ly hôn anh Nguyễn Xuân Đ.

Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Xuân T, sinh ngày 05/01/2022 hiện nay đang ở với chị, ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Xuân Đ trình bày:

Anh thống nhất như lời trình bày của chị N về thời gian, địa điểm, điều kiện đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nay vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đáng kể về tiền bạc, con cái. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2024 đến nay. Nay chị N làm đơn xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn vì con cái còn nhỏ và tình cảm vợ chồng đang còn.

Vợ chồng có một con chung họ tên ngày tháng năm sinh như chị N trình bày. Hiện nay con lúc ở với bố lúc ở với mẹ. Ly hôn anh cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Kết quả xác minh tại UBND xã A: Chị Bùi Thị N và anh Nguyễn Xuân Đ đăng ký kết hôn ngày 20/12/2021 tại UBND xã A, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuận nguyên nhân như thế nào địa phương không nắm được do không qua hoà giải tại cơ sở. Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Xuân T, sinh ngày 05/01/2022 hiện nay đang ở với chị N, Chị Bùi Thị N đề nghị Toà án giải quyết ly hôn, nuôi con, tài sản không yêu cầu Toà án giải quyết. Ủy ban nhân dân xã A đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và thư ký phiên toà đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS. Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS năm 2015, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS năm 2015.

Về nội dung: Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 BLTTDS; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 31/12/2016.

Về tình cảm: Cho chị Bùi Thị N được ly hôn anh Nguyễn Xuân Đ.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 05/01/2022 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuô dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Đ.

Về án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

Chị Bùi Thị N có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Nguyễn Xuân Đ, có nguyện vọng nuôi con chung, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Anh Nguyễn Xuân Đ có nơi thường trú tại thôn Q, xã A, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Bùi Thị N và bị đơn anh Nguyễn Xuân Đ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Bùi Thị N và anh Nguyễn Xuân Đ là hợp pháp, tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do không hòa hợp, không có tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2024 đến nay không còn quan tâm nhau nữa. Anh Đ không đồng ý ly hôn, anh muốn đoàn tụ, nhưng từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay anh không có biện pháp gì xây dựng hạnh phúc gia đình, mặt khác quá trình hoà giải vụ án đến nay chị N một mực muốn ly hôn anh Đ, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị Bùi Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Xuân Đ.

[2.2]. Về tranh chấp nuôi con chung: Chị N và anh Đ đều có nguyện vọng nuôi chung, thể hiện trách nhiệm và nghĩa vụ đối với con. Xét thấy từ khi vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân đến nay con đang ở với chị N vẫn đảm bảo các điều kiện để con chung phát triển về thể chất cũng như tinh thần, con chung là Nguyễn Xuân T, sinh ngày 05/01/2022 hiện nay đang còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn. Do đó cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Xuân T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, do vậy Hội đồng xét xử xem xét tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Đ.

[2.3] Về tài sản: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét

[3] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng quy định của pháp luật trong giải quyết các vụ việc hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị N được ly hôn anh Nguyễn Xuân Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Xuân T, sinh ngày 05/01/2022 cho chị Bùi Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Đ vì chị N chưa ai yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Chị Bùi Thị N và an Nguyễn Xuân Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu theo biên lai số 0005995 ngày 14/4/2025.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Bùi Thị N, bị đơn anh Nguyễn Xuân Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản sao bản án hợp lệ lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Lưu;
- UBND xã An Hoà (ĐKKH năm 2021);
- Đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nghệ